

# NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

*Phiên dịch kinh Sa môn Tuệ Lâm soạn.*

## QUYỂN 40

Kinh Quán Thế Âm Bồ tát Bí Mật Tạng Thần Chú Trừ Phá Tất  
Cả Ác Nghiệp Đà-la-ni.

Kinh Quán Thế Âm Như Ý Luân Đà-la-ni - một quyển.

Kinh Quán Tự Tại Bồ tát Như Ý Tâm Đà-la-ni chú.

Kinh Quán Tự Tại Bồ tát Tâm Đà-la-ni Niệm Tụng Nghi Quỹ.

Kinh Quán Tự Tại Như Ý Luân Niệm Tụng Nghi Quỹ.

Kinh Quán Tự Tại Bồ tát Tùy Tâm Chú - một vị tăng tên là Đa-  
lợi-tâm (Bất Không) Tam tạng dịch.

Kinh Thập Nhất Diện Quán Thế Âm - Huyền Ứng.

Kinh Thập Nhất Diện Thần Chú Tâm.

Kinh Thập Nhất Diện Quán Tự Tại Bồ tát Tâm Mật Ngữ Nghi Quỹ  
- ba quyển.

Kinh Thỉnh Quán Âm Tiêu Độc Hại.

Kinh Thiên Nhân Thiên Tý Quán Thế Âm Thần Bí Chú Ấn - ba  
quyển.

Kinh Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát Mục Đà-la-ni  
Thân.

Kinh Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát Quảng Đại  
Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà-la-ni - Huyền Ứng soạn.

Pháp Kim Cang Đảnh Du Già Bí Mật Tam Ma Địa Niệm Tụng  
- chư tôn quán tưởng mỗi mỗi sai biệt.

Pháp Quán Tự Tại Đa-la Bồ tát Niệm Tụng - một tên nữa Pháp  
Khu yếu.

Kinh A-lợi Đa-la Đà-la-ni A lỗ lược.

Kinh Quán Tự Tại Cầu Văn Trì Bất Không Pháp Thánh Ca Ni  
Kim Cang Đồng Tử Cầu Thành Tự.

Kinh Kim Cang Đồng Tử Niệm Tụng Nghi Quỹ.

Kinh Thánh Uy Đức Kim Cang Đồng Tử Đà-la-ni.

Kinh Văn Thù Sư Lợi Diêm Mạn Đức Ca Đại Minh Vương Thành Tựu.

Kinh Mạn Thù Thất Lợi Bồ tát Diêm Mạn Đức Ca Phần Nộ Chơn Ngôn Nghi Quĩ.

Kinh Đại Uy Nộ Ô-sô-sáp-ma Thành Tựu Nghi Quĩ.

Kinh Đại Uy Lực Ô-sô-sáp-ma - ba quyển - (khuyết còn thiếu.)

Kinh Đại Lực Kim Cang Thành Tựu.

Kinh Đại Lực Kim Cang Cầu Thành Tựu.

Kinh Đại Lực Kim Cang Thành Tựu Chư Nguyên.

Pháp Niệm Tụng Vô Động Tôn trong Kinh Kim Cang Thủ Quang Minh Quán Đảnh.

Kinh Đế Lị Tam muội Da, kinh Bất Động Sứ Giả Niệm Tụng.

Kinh Thánh Bất Động Tôn Sứ Giả Thành Tựu.

Kinh Phật Thuyết Tỳ-sa Thiên Vương Thành Tựu.

Kinh Tỳ Sa môn Thiên Vương.

Kinh cam Lộ Quân Trà Lợi Cúng Đường Niệm Tụng Thành Tựu Nghi Quĩ.

Kinh Từ Thi Bồ tát Đà-la-ni Cầu Thượng Sanh.

Kinh Đại Phương Quảng Mạn Thù Thất Lợi Quán Tự Tại Bồ tát Thọ Ký.

Kinh Quán Thế Âm Bồ tát Thọ Ký.

Kinh Quán Tự Tại Bồ tát Thuyết Phổ Hiền Đà-la-ni.

Kinh Sư Tử Trang Nghiêm Vương Bồ tát Thỉnh Vấn.

Kinh Bất Đại Bồ tát Mạn-trà-la.

Kinh Nhất Thiết Như Lai Bạch Hào Thủy Sanh Quán Tự Tại Bồ Tát Chơn Ngôn - (cũng có tên Kinh Điện Quang Xí Thanh Khả Úy Hình La Sát Tử.)

Kinh Ma Lợi Chi Thiên Nữ.

Kinh Đại Kiết Tường Thiên Nữ.

Kinh Đại Kiết Tường Thiên Nữ Thập Nhị Khế Nhất Bách Bát Danh Vô Cấu Đại Thừa.

Kinh Ma Lợi Chi Thiên.

Kinh Đại Kiết Tường Thiên Nữ Thập Nhị Danh Hiệu ( Không có từ âm nghĩa).

Kinh Cửu Diệu Nhiên Ngạ Quĩ Đà-la-ni Thần Chú.

Kinh Diệm Khẩu Ngã Quĩ.

Kinh A-trá-bà-câu Quĩ Thần Đại Tướng Thượng Phật Đà-la-ni.

Kinh Xưng Tán Như Lai Công Đức Thần Chú.

Kinh Thập Nhị Phật Danh Thần Chú Trừ Chướng Diệt Tội.  
 Kinh Giáo Lượng Sở Châu Công Đức - bên phải năm mươi hai  
 kinh, năm mươi lăm quyển đồng âm với quyển này.

**KINH QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT BÍ MẬT TẠNG THẦN CHÚ  
 TRỪ PHÁ TẤT CẢ ÁC NGHIỆP ĐÀ LA NI**

*Tuệ Lâm soạn.*

Phó diện: Ngược lại âm trên bằng bắc. Sách Thuyết Văn cho rằng: phó là đốn ngã, chữ viết từ bộ nhơn thanh bốc.

Đàm âm: Âm trên là đàm. Sách Văn Tự Tập Lược: trong ngực có đàm, chất dịch đàm, ngược lại âm dưới ư cấm.

Qua dương: Ngược lại âm quả hòa. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: qua là vết thương lở loét, mụn nhọt. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ tạt thanh qua. Kinh văn viết chữ oa cũng là văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới dương tưởng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: dương là bệnh ngứa. Sách Khảo Thanh cho rằng: vết thương rất là đau nhức. Sách Thuyết Văn viết chữ dương từ bộ do thanh dương.

Tri thù: Âm trên là tri, âm dưới là chu. Sách Khảo Thanh cho rằng: tri thù là con nhện giăng tơ. Sách Thuyết Văn cho rằng: tri thù là con sâu đục gốc, thường ăn gốc lúa; chữ từ bộ mãnh đến bộ tri thanh tĩn, chữ thù viết từ bộ mãnh thanh chu, cũng viết chữ tri thù. Kinh văn viết chữ tri viết thành chữ tri là chẳng phải âm tri là âm trí.

\*\*\*\*\*

**KINH NHƯ Ý LUÂN ĐÀ LA NI - Tuệ Lâm soạn.**

Kê lạt tứ: Ngược lại âm giữa lan cát.

Tích địa: Ngược lại âm trên bể diệc. Sách Vận Lược cho rằng: tích là té ngã nhào. Sách Thuyết Văn viết chữ tích gọi là người không thể đi được, chữ viết từ bộ chỉ thanh tích.

Chứng tế: Trên lấy chữ chứng thanh thượng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: chứng là trợ giúp. Sách Phương Ngôn cho rằng: dùng tay kéo nắm lên cứu giúp kẻ chết chìm gọi là chứng. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết đúng là chữ thăng gọi là đưa lên cao, chữ viết từ bộ thủ thanh thăng. kinh văn viết chữ chứng ngược lại âm chức nhưng là chẳng phải

là nay không dùng.

Tần phi: Ngược lại âm trên tần dân. Ngược lại âm dưới phương vi. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: tần là người đàn bà có chồng. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: người đàn bà có xưng là pháp độ, tức là phi ngự của vua, cũng gọi là thế phụ. Xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ nữ đều là thanh tân dĩ.

Di tự: Ngược lại âm phan bát, tiếng Phạn. Chữ chơn ngôn, hoặc viết chữ bát.

Tinh thấu: Ngược lại âm sư hựu. Sách Thuyết Văn cho rằng: thấu gọi xúc miệng, chữ viết từ bộ thủy thanh thấu.

Tiệt sai: Âm trên tiết, ngược lại âm dưới sa giả.

Quan dước: Ngược lại âm dương chước. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ (T568) ký dước là cái khóa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ môn, thanh dước. Kinh văn viết chữ dước văn thường hay dùng, âm dước với âm trên.

Các phó: Ngược lại âm phó. Trịnh Huyền chú giải sách lễ ký rằng: phó là đến kịp, đến ngay tức khắc. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngôn thanh bốc, cũng viết chữ phó này.

Tương trụ: Ngược lại âm chu lữ.

Toàn niết: Ngược lại tô hoàn. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: toàn là gom lại, nói gom lại tụ hợp lại như năm ngón tay mà bấm hạt châu tức lần tràng hạt; chữ viết từ bộ mộc thanh toàn. Kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ toàn âm toàn là chẳng phải, ngược lại âm dưới ninh diệp.

Giảo linh: Ngược lại âm trên giao xảo.

Thực thời: Ngược lại trên thừa chức.

Quyết địa: Ngược lại âm trên lâu nguyệt.

Điền trúc: Âm trên là điền, chữ thường hay dùng viết đúng là chữ điền này dưới là âm trúc.

Bình điền: Ngược lại điền luyện.

Ô ba: Ngược lại âm trên ô cổ. Kinh văn viết chữ ô này văn thường hay dùng.

Tổ mạc: Ngược lại âm vũ phát.

Đảo sư: Ngược lại âm đao lão. Kinh văn viết chữ điêu văn thường hay dùng ngược lại âm dưới sư tế.

Liễm thượng: Ngược lại âm cư nghiễm. Sách văn Tự Tập Lược cho rằng: kiểm là da mí mắt ngoài; chữ viết từ bộ mục.

Hà ế: Ngược lại âm trên hạ nha, ngược lại âm dưới khẩn kế.

Tranh hại: Ngược lại âm trên trạch canh, ngược lại âm dưới lương trượng.

Bạch vừng: Ngược lại âm vân quận. Sách sử ký cho rằng: khí sáng chiếu quanh mặt trời, mặt trăng. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhứt thanh quân.

Si lệ: Ngược lại âm trên xỉ chi. Sách Khảo Thanh cho rằng; trong con mắt có ghèn. Sách Thuyết Văn cho rằng: con mắt có ghèn nên mờ mịch, chữ viết từ bộ mục thanh đa.

Xích mạc: Ngược lại âm trên mang bát. Kinh văn viết từ bộ mục viết thành chữ mạc là chẳng nghĩa kinh.

Ôn dước: Ngược lại âm trên ôn khổn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chìm xuống; chữ viết từ bộ thủ thanh ôn. Kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ ôn là chẳng phải.

Khinh tiết: Ngược lại âm tiên liệt, Quảng Nhã cho rằng: tiết là thấm ướt, thoát ra. Theo chữ tiết đó là người chớ có dễ vui khinh thường tiết ra chất dịch, viết đúng là chữ tiết, tiết này có nghĩa là khinh mạn, nói rằng có chỗ thu hoạch được tất nhiên là người khinh mạn.

Hiệu nghiệm: Ngược lại âm trên hào giáo. Sách Khảo Thanh cho rằng: người chứa nhiều kinh nghiệm làm việc kinh văn viết hiệu, nghĩa là kinh nghiệm truyền dạy chẳng phải nghĩa là kinh nghiệm truyền dạy chẳng phải nghĩa kinh.

\*\*\*\*\*

## KINH QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT NHƯ Ý TÂM ĐÀ LA NI CHÚ

Ung ánh: Ngược lại âm trên ủng cung, ngược lại âm dưới ánh cảnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: cổ có bươu, chữ viết từ bộ tật thanh anh, âm lưu là âm lưu.

Thư tiên: Ngược lại âm trên thất dư. Sách Thuyết Văn cho rằng: thư là bệnh lâu ngày thành ung, chữ viết từ bộ tật thanh thư, ngược lại âm dưới là tiên tiện.

Phiên đông: Ngược lại âm đồ đông.

Phúc thướng: Ngược lại âm trương lượng.

\*\*\*\*\*

**KINH QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT TÂM ĐÀ LA NI  
NIỆM TỤNG NGHI QUỸ**

Ngũ cổ xử: Âm giữa là cổ.

Khiêu trích: Ngược lại âm trên là điều. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khiêu là nhảy, vọt lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: vượt qua; chữ viết từ bộ túc thanh khiêu, ngược lại âm dưới trì kích. Cố Dã Vương cho rằng: trích là nhắc chân cao lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ túc thanh đích, cũng viết chữ trích này. Kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ trích tục dùng chữ này là chẳng phải.

Hám tước: Ngược lại âm trên đàm lã. Ngược lại âm dưới tường lược.

\*\*\*\*\*

**KINH QUÁN TỰ TẠI NHƯ Ý LUÂN BỒ TÁT  
NIỆM TỤNG NGHI QUỸ - Bất Không dịch.**

Kiểu hữu: Ngược lại âm trên nhiều liễu. Sách Khảo Thanh cho rằng: kiểu là sợi dây buộc ngựa, tức là sợi dây cương. Sách Vận Thuyên cho rằng: chữ viết từ bộ cân viết thành chữ kiểu giải thích nghĩa cũng đồng.

Xa lộ: Âm lộ.

Bàn ư: Ngược lại bán bác. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: bàn là uốn khúc. Cố Dã Vương cho rằng: uốn chuyển vòng quanh uốn lượn. Quảng Nhã cho rằng: uốn cong. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ trùng thanh phan.

\*\*\*\*\*

**KINH QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT TÙY TÂM CHÚ**

Còn có tên Đa Lợi Tâm. Bất Không Tam Tạng dịch.

Tam lãng thảo: Âm giữa lạt đặng.

Ôn tô: Ngược lại âm trên ôn khốn.

Nhất cách: Ngược lại âm sừ cách. Sách Khảo Thanh cho rằng: khai phá rừng, cũng viết chữ sách. Kinh văn viết chữ sách văn thường hay dùng.

Trì bảng: Ngược lại âm bàng giảng, tục viết chữ bảng, kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ bảng là chẳng phải.

Oản đậu: Ngược lại âm trên oán hoàn. Quảng Nhã cho rằng: đậu lưu. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ đậu thanh oán.

Cốt quá tử: Âm giữa là trắc qua.

Kim đĩnh: Ngược lại âm đình đĩnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: đồng thếc chì còn nguyên chất chưa biến chế, chữ viết bộ kim thanh đình.

Giác thảng: Ngược lại âm trên giang nhạc. Sách Khảo Thanh cho rằng: giác là vật có góc cạnh, dùng mền thử, dò xét. Kinh văn viết từ thủ viết thành chữ giác là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là ngoại chứng.

\*\*\*\*\*

### **KINH THẬP NHẤT DIỆN QUÁN THỂ ÂM - *Huyền Ứng soạn.***

Hoán y: Ngược lại âm hồ quán. Sách Thuyết Văn cho rằng: hoán là trao đổi, cũng gọi là thay đổi. Kinh văn viết chữ quan. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: là chạy trốn, cũng gọi là đi xa quan là chẳng phải thể chữ.

Độn tô: Ngược lại âm đồ tổn, viết đúng là chữ ôn, ngược lại âm ô muôn. Tự Lâm cho rằng: ôn là chìm xuống, chữ độn cũng giống như tục ngữ nói vậy. Kinh văn viết chữ đồ vậy.

Bát khóa: Ngược lại âm khẩu hỏa, khóa là từ số đếm, dùng cho vật có hình tròn nhỏ, hạt, hột, viên, giọt... lại viết chữ quả. Kinh văn viết chữ khóa, ngược lại âm ư ngoạ. Khóa này nghĩa là bụi trần cũng gọi là tên đất, khóa này chẳng phải nghĩa của kinh văn.

\*\*\*\*\*

### **KINH THẬP NHẤT DIỆN THÂN CHÚ - *Tuệ Lâm soạn.***

Pháo sang: Ngược lại âm trên bổ giáo, pháo là nốt phỏng lên ở trên da mặt. Kinh văn viết từ bộ tật viết thành chữ pháo, văn thường hay dùng.

Dương tiên: Âm trên là dưỡng. Sách Thuyết Văn cho rằng: là mụn nhọt nổi trên đầu. Chữ viết từ bộ tật thanh dương. Ngược lại âm dưới tiên thiển. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiên là loại bệnh nấm trên da, lần lần lan to ra; chữ viết từ bộ tật thanh tiên.

Hám phong: Ngược lại âm trên hồ lam. Sách Khảo Thanh cho rằng: hám là ngu si. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: viết từ bộ tâm thanh cảm. Kinh văn vốn viết chữ cảm là chẳng phải nghĩa đây dùng.

Quân trì: Ngược lại âm táo bình.

Vân đài: Âm trên là vân, ngược lại âm dưới đại lai.

\*\*\*\*\*

**KINH THẬP NHẤT DIỆN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT**  
**TÂM MẬT NGŨ NGHĨ QUI** - *Tuệ Lâm soạn.*  
**QUYỂN THƯỢNG**

Chiêm bặc: Ngược lại âm trên chư liên, ngược lại âm dưới bồ bặc, tiếng Phạn gọi là loại hoa, nước kia không có loại hoa này.

Thư hoại: Âm trên là từ dữ, ngược lại âm dưới hoại quái.

Năng nịch: Ngược lại âm ninh đích. Sách Khảo Thanh cho rằng: bị chìm đắm. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết đúng là chữ một gọi là chìm dưới nước; chữ viết từ thủy thanh như.

Yểm đảo: Ngược lại âm trên ô diễm ngược lại âm dưới là đảo lão, gọi là cầu phúc.

Lỗi lịch: Ngược lại âm trên lực chùy, ngược lại âm dưới linh đích. Sách văn Tự Tập Lược cho rằng: lỗi là loại bệnh tràng nhạc, một loại bệnh lao hạch. Thịt lỗi lên không có bằng: lịch là bệnh gân rút lại co thắt lại và sách Khảo Thanh cho rằng: da kết lại kết lại với thịt. Xưa nay Chánh Tự đều cho rằng: chữ viết đều từ bộ tật đều là thanh luy dịch.

Anh lạc: Ngược lại âm trên ích doanh, âm dưới là lạc. Sách Khảo Thanh cho rằng: đồ trang sức của người đàn bà đeo trên cổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ hai bộ bối. Kinh văn viết chữ anh lạc là thông dụng văn thường hay dùng.

Phi lũ: Ngược lại âm trên phi vi. Tự Thư cho rằng: sợi chỉ màu may vá có màu sắc. Ngược lại âm dưới lực củ. Cố Dã Vương cho rằng: lũ là sợi chỉ kết nối lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết đều từ bộ mịch đều thanh thiên lũ.

Hữu sai: Ngược lại âm sang hà. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: sai là dùng tay sờ mó. Chữ viết từ bộ thủ thanh sai. Kinh văn viết chữ sai là lầm lẫn sai. Chẳng phải nghĩa đây dùng.

-----



**KINH THẬP NHẤT DIỆN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT  
TÂM MẬT NGŨ NGHI QUI  
QUYỂN TRUNG**

Kiều đại chỉ: Ngược lại âm trên kỳ diệu. Quảng Nhã cho rằng: kiêu là đưa cao lên. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ vũ thanh nhiều.

Thức thân: Ngược lại âm trên thư dục, âm dưới thuận luân. Sách Thuyết Văn cho rằng: thân là đầu môi, chữ viết từ bộ nhục thanh thân.

Chữ viết từ bộ nhục thanh thân.

Tâm tế: Ngược lại âm tình hề.

Thiếu loan: Ngược lại âm quan hoàn. Sách Khảo Thanh cho rằng: eo biển. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh loan. Bốn kinh viết chữ loan nghĩa giương cây cung để bắn, chẳng phải ý nghĩa của kinh văn.

Ứng sí: Ngược lại âm thi cổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cánh chim; chữ viết từ bộ vũ thanh chi hoặc viết chữ sí này nghĩa cũng đồng.

Tước xỉ: Ngược lại âm tường dục. Tục tự viết đúng là chữ tước này. nghĩa răng nhai thức ăn.

-----

**KINH THẬP NHẤT DIỆN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT  
TÂM MẬT NGŨ NGHI QUI  
QUYỂN HẠ**

Tỳ nữ: Tiếng Phạn, nói theo. Dựa theo lời nói, ngược lại âm nữ cứu.

Xa lộ: Âm lộ.

Hoán lạn: Ngược lại âm lan thả sáng rực, cũng gọi là tràn đầy.

Thỉ lược: Ngược lại âm trên thời chỉ âm dưới là lược. Kinh văn viết từ bộ trùng viết thành chữ để là chẳng phải.

Sổ ứng: Ngược lại âm trên sở giác, ngược lại âm dưới ức lạng.

Dững lược: Ngược lại âm trên dung lũng, ngược lại âm dưới dương lược. Đỗ Dự chú giải sách Tả Truyện rằng: dững là nhảy vượt qua. Xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ túc đều là thanh dững. Kinh văn viết chữ dững này cũng thông dụng.

\*\*\*\*\*

**KINH THỈNH QUÁN ÂM - *Huyền Ứng soạn.***

Thiệt cấm: Ngược lại âm cự ẩm, gọi là không thể nói được.  
 Xỉ điệt: Ngược lại âm đô nga. Kinh văn chữ xỉ.  
 Thiêm bà: Ngược lại âm chi tháp.  
 Phan trà: Ngược lại âm bổ bàn.  
 Nhiếp bê: Ngược lại âm bổ mê.  
 Khư kha: Ngược lại âm trúc canh.  
 Ma đất: Ngược lại âm chi liệt.  
 Dạ thước: Ngược lại âm thi dước.  
 Câu bệ: Ngược lại âm bổ mê.

\*\*\*\*\*

**KINH THIÊN NHÃN THIÊN TÝ QUÁN THẾ ÂM THẦN BÍ CHÚ**

*Tuệ Lâm soạn.*

**QUYỂN THƯỢNG**

Tích hào: Ngược lại âm trên tinh lịch. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: phân tích. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh cân. Kinh văn viết chữ tích này là sai.

Đào muội: Ngược lại âm trên đao đao. Sách Mạnh Tử cho rằng: đào là người hung ác chẳng biết gì hết, luôn cắn xé nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh đao. Ngược lại âm dưới mai bối. Quảng Nhã cho rằng: muội tối tăm. Theo Tả Truyện cho rằng: không phân biệt được năm màu sắc cho rằng: mặt trời bị che khuất nên mờ mờ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhựt thanh vị.

Tế cao: Ngược lại âm trên tề hề. Sách Thuyết Văn cho rằng: tế là cầm nắm lấy giữ lấy vật chữ viết từ bộ bối đến bộ tề thanh tĩnh, hoặc là viết chữ tế cũng đồng, ngược lại âm dưới cao đao. Sách sử ký cho rằng: khiến cho Khuất Nguyên ôm hận nhảy xuống sông tự vẫn; chữ viết thuộc thảo đến bộ chữ này chưa rõ xác định được. Cố Dã Vương cho rằng: cao giống như loài cây cỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hòa thanh cao, hoặc là viết chữ cao cũng thông dụng.

Nhược da: Ngược lại âm trên nhi giả.

Bát lạt: Ngược lại âm lãng cát.

Yết la ba: Ngược lại âm ninh giản.

Đát la: Ngược lại âm đan át.

Kiết đế: Ngược lại âm kinh dĩ.

Yên hê: Ngược lại âm trên y kế.

Tương trụ: Ngược lại âm chu lữ. Kinh văn viết trụ cũng thông dụng, văn thường hay dùng.

Khuyết cân: Âm trên viết đúng là chữ khuyết, âm dưới là chữ cân.

-----

### KINH THIÊN NHÃN THIÊN TÝ QUÁN THẾ ÂM THẦN BÍ CHÚ QUYỂN HẠ

Cấp bà ha: Ngược lại âm trên tô hạp, âm giữa là bà, tiếng Phạn, gọi là chất thô không mịn màng.

Hòa bại: Ngược lại âm bài mại. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: bại là loại cỏ giống như lúa ngô cốc. Khảo Thanh cho rằng: bại chẳng phải lúa, loại lúa mọc hoang có hạt nhỏ. Chữ viết từ bộ hòa.

Từ thủy: Ngược lại âm tứ do. Theo chữ từ đó tức là ao nước mát chỗ rỗng ở hoặc là ở trong hang sâu, trong khe núi chỗ trũng thấp lấy làm ao rỗng ở, hoặc là đất bằng, dùng làm ao nước mát, nhưng có rỗng ở là ao trở nên nước mát lạnh hơn. Nên gọi là từ cũng gọi là tự là nơi phước trời ban cho. Sách Thuyết Văn cho rằng: vùng đất nhỏ hẹp trũng và ẩm chữ viết từ bộ thủy thanh thanh thu.

Bà thước: Ngược lại âm thương thước.

Hạp bán: Trên âm Phạm không phải chữ như tiếng sử tử rỗng, hoặc viết chữ ngư cũng đồng, ngược lại âm dưới phan mặt.

\*\*\*\*\*

### KINH THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT MỤC ĐÀ LA NI THÂN - Tuệ Lâm soạn.

Đố thiết: Ngược lại âm trên đô cố âm dưới bệ liệt. Sách Phương Ngôn cho rằng: thiết là buồn bực, ngu đần ác. Quách Phác chú giải rằng: người có tính nóng nảy. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ tâm thanh tệt.

Sắc giá: Ngược lại âm tri giả.

Chiến điệu: Ngược lại âm chiêu điệu.

Cơ miệt: Ngược lại âm trên bao hàm chú giải sách Luận ngữ rằng:

cơ là kiều mạn, ngược lại âm dưới miên kiết. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: miệt là khinh thường, khinh dễ; chữ viết từ tâm thanh miệt, âm tâm là âm tâm.

Sưu hòa: Ngược lại âm trên sưu hữu.

Huyền hoặc: Ngược lại âm trên huyền biến. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: huyền là xem xét quan sát không rõ ràng. Sách Thuyết Văn cho rằng: con mắt không có thường trừ; chữ viết từ bộ mục thanh huyền.

Phách khai: Ngược lại âm trên phăng mạch. Tự Thư cho rằng: phách là dùng tay tách vật ra, phá ra, xẻ ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh tích.

La nhạ: Ngược lại âm từ hà, tiếng Phạn, tên của vị vua.

Kế tân: Ngược lại âm trên cư lê.

Tức đản: Ngược lại âm đương lang. Sách Khảo Thanh cho rằng: nói thẳng gọi là nói lời lẽ ngay thẳng, cũng có thể viết chữ đản.

Trách khai: Ngược lại âm trên trúc cách. Quảng Nhã cho rằng: trách là căng ra. Xưa nay chữ viết từ bộ thạc thanh kiệt.

Sao chi: Ngược lại âm trên sở xảo. Sách Phương Ngôn cho rằng: sao là dùng lửa làm cho khô, như rang, xào, nướng. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng viết chữ sao này gọi là làm khô đi; chữ viết từ bộ cách thanh sô, cũng viết chữ sao này cũng viết chữ thư gọi là sang nướng âm cách là âm cách.

Dịch lệ: Âm trên là dịch, ngược lại âm dưới là lực chế. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: lệ đó là bệnh tật do thời tiết không ôn hòa, bệnh dịch lây lan. Sách Thuyết Văn cho rằng: tật bệnh quái ác, chữ viết đều từ bộ tật đều thanh thù vạn.

\*\*\*\*\*

## KINH THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUÁN THỂ ÂM BỒ TÁT VÔ NGẠI ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI - *Tuệ Lâm soạn.*

Bồ-đà-lạc-sơn: tiếng Phạn.

Thính hứa: Ngược lại âm trên lễ kinh. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: thính cũng giống như hầu hạ phục dịch. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghe theo lời dạy bảo; chữ viết từ bộ đức đến bộ nhĩ thanh nhậm, âm đức là âm đức. Văn cổ viết chữ đức âm vương ngược lại âm đình đĩnh.

Dũng dục: Ngược lại trên dung thủng, âm dưới là dục.

Thôi chiết: Ngược lại trên tổ ổi. Sách Khảo Thanh cho rằng: bề gãy đoạn lìa, tổn hại, bại hoại; chữ viết đều từ bộ thủ.

Ngoan yết: Ngược lại âm trên ngũ quan, ngược lại âm dưới hiên yết. Sách Tập Huấn cho rằng: là loài côn trùng cắn chích người, tức là con bò cạp. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ trùng thanh yết. Bốn kinh viết chữ hạt này, âm khác là chẳng phải nghĩa của kinh văn vậy.

Phần nhiều: Ngược lại âm trên phù văn. Cố Dã Vương cho rằng: phần là thiêu đốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: thiêu đốt cỏ đồng ruộng, chữ viết từ bộ hỏa trong bộ lâm, lâm cũng là thanh, ngược lại âm dưới là thất diêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: phiêu là trôi nổi trên mặt nước; chữ viết từ bộ thủy thanh phiêu, âm phiêu đồng với âm trên.

Ô sô: Ngược lại âm sơ vu, tiếng Phạn.

Ưng câu thi: Ngược lại âm trên ư cương, tiếng Phạn.

Thường ca la: tiếng Phạn.

Ma hê: Ngược lại âm dưới hình hê, tiếng Phạn.

Bà cấp bà: Âm cập ngược lại âm tô hạp, tiếng Phạn.

Cư lan: Tiếng Phạn.

Phùng trị: Ngược lại âm trì trí. Cố Dã Vương cho rằng: đương lúc vật giá, giá trị. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhơn thanh trực.

Nguyên miết: Âm trên là nguyên, ngược lại âm dưới biên diệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều từ bộ mãnh, đều thanh nguyên miết. Kinh văn viết chữ miết này cũng thông dụng, văn thường hay dùng.

Nữ giới già tảo: Âm trên là sửu, ngược lại âm kế giai giới, âm giá là âm da, ngược lại âm dưới tô quả tô quả.

Ung sang: Âm trên là ung. Tư Mã Bưu cho rằng: nóng nhiệt nổi phù lên phồng lên, không thông là ung. Sách Thuyết Văn cho rằng: sừng thủng; chữ viết từ bộ duy viết thành chữ ung là sai lầm.

Nông huyết: Ngược lại trên nãi công. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: (T570) bệnh ung thư đã vỡ mủ máu chảy ra; chữ từ bộ nhục thanh nông.

Tam thóa: Ngược lại âm thổ ngọa. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước dãi trong miệng chảy ra; chữ viết từ khẩu thanh thóa.

Sắc tiễn: Ngược lại âm tiên tiễn, cũng viết chữ tuyết. Kinh văn viết chữ diện là chẳng phải.

Tác tác: Ngược lại âm tang lạc. Cố Dã Vương cho rằng: dùng sợi dây để quấn quanh buộc lại gọi là tác. Sách Sở Từ cho rằng: dùng sợi tơ thắc cúc áo gọi là tác; chữ viết từ bộ phi thanh mịch âm phi, ngược lại

âm phi vị, âm nữ ngược lại âm ni lân.

Hệ hạng: Ngược lại âm trên kê nghệ, ngược lại âm dưới học giảng.

Vị giai: Âm giai.

Dững phất: Ngược lại âm trên dung thũng, ngược lại âm dưới phi vị. Sách Thuyết Văn cho rằng: dững là nước bắn lên, chữ viết từ bộ thủy thanh dững âm dững đồng với âm trên.

Trường sanh lạc: âm lạc.

Họa địa: Ngược lại âm trên hoành quốc.

Trịch trước: Ngược lại âm trên tinh kích. Sách Thuyết Văn cho rằng: trịch là ném, chữ viết từ bộ thủ thanh trịch ngược lại âm dưới là trướng lược.

Bạt kỳ: Ngược lại âm trên biện bát. Sách Thuyết Văn cho rằng: bạt là đề bạt, cất lên, cất nhắc lên, nắm kéo dẫn tới. Đề cử những người có tài năng đặc biệt lạ thường; chữ viết từ bộ thủ thanh bạt.

Nhiên tác: Ngược lại âm trên niên điển.

Báng bài: Ngược lại âm trên bổ đường, ngược lại âm dưới bại mai. Sách Khảo Thanh cho rằng: là loại binh khí ngày xưa dùng để chống đỡ đao thương. Kinh văn viết chữ báng bệ là chẳng phải.

Việt phủ: Ngược lại âm trên viên nguyệt viết đúng là chữ viết này.

Bảo khiếp: Ngược lại âm hiềm giáp.

Bảo loa: Ngược lại âm trên lô qua. Bốn kinh viết chữ luy văn thường hay dùng.

Độc lâu: Âm trên độc âm dưới là lâu.

Bảo đạt: Ngược lại âm đường lạc. Sách Chu Lễ cho rằng: đạt là cái linh lớn, dùng làm hiệu lệnh, trong chùa hoặc dùng làm cái trống lớn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh đạt.

Huỳnh thân: Ngược lại âm trên huỳnh dinh. Sách Khảo Thanh cho rằng: dùng sợi dây buộc lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: tóm thâu lại, quấn vây quanh; chữ viết từ bộ mịch đến bộ mịch thanh tĩnh.

Kha diệp: Ngược lại âm trên các hà. Sách Thuyết Văn cho rằng: là cánh nhánh cây; chữ viết từ bộ mộc thanh.

Thi chú: Âm trên là thi âm dưới là chú.

Hồi trùng: Âm trên là hồi.

Giảo tâm: Ngược lại âm trên nha giảo, cũng viết từ bộ khẩu viết thành chữ giảo.

Lệ tác: Ngược lại âm trên lân kiết.

**PHÁP KIM CANG ĐÁNH DU GIÀ BÍ MẬT TAM MA ĐIA  
NIỆM TỤNG - CÁC PHÁP QUÁN TƯỚNG MỖI MỖI SAI BIỆT**  
*Tuệ Lâm dịch.*

Đồ thức: Ngược lại âm thư lực. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi lễ rằng: thức là lau chùi sạch sẽ. Quách Phác chú giải rằng: thức chỗ gọi là thanh khiết. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh thức cũng viết chữ sức.

Át già Ngược lại âm trên an cát, cũng viết chữ át là cái bồn lớn nhét kín chứa nước.

Hột li: Trên là ngân nhập, thanh dưới là ly, hai chữ hợp lại cong lưỡi lên đọc.

Đánh đái: Ngược lại âm đương đái. Giã Quy chú giải sách Quốc ngữ rằng: đái là bụng bê. Tự Thư cho rằng: đội trên đầu gọi là đái, lưu tâm cho rằng: đội trên đầu chỗ để người ta chiêm ngưỡng ngắm nhìn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ dị thanh tể trụ vẫn viết chữ đái âm tể ngược lại âm tể lai.

Vô ngại: Cũng viết chữ ngại, cũng đồng nghĩa, ngược lại âm ngũ đại kinh vẫn viết ngại cũng thông dụng vẫn thường hay dùng.

Hà điểm: Ngược lại âm trên hạ da. Trịnh Huyền chú giải rằng: là viên ngọc có tỳ vết; viên ngọc nhỏ màu đỏ; chữ viết từ bộ ngọc thanh hà, ngược lại âm dưới đình đàm. Sách Thống Tự cho rằng: điểm là viên ngọc có tỳ vết khuyết không tròn; chữ viết từ ngọc thanh chiêm.

Lưỡng kiên: Ngược lại âm kiệt yên. Sách Thuyết Văn cho rằng: kiên là xương bả vai; chữ viết từ nhục, chữ tượng hình kinh vẫn viết từ bộ hộ viết thành chữ kiên cũng thông dụng vẫn thường hay dùng.

Lưỡng bề: Ngược lại trên bề mê. Sách Khảo Thanh cho rằng: xương bả đùi. Sách Thuyết Văn viết chữ bề này ; chữ viết từ bộ cốt thanh ty. kinh vẫn vốn viết chữ bề là chẳng phải.

\*\*\*\*\*

**PHÁP QUÁN TỰ TẠI ĐA LA BỒ TÁT NIỆM TỤNG**  
*Tuệ Lâm soạn.*

Khu yếu: Ngược lại âm trên xương chu, ngược lại âm dưới nhất thao.

San định: Ngược lại âm trên sản gian.

Nữ thành: Ngược lại âm trên ni cửu.

Tu tập: Ngược lại âm xâm lập. Trịnh Tiến chú giải Mao Thi Truyện rằng: tập là kết nối lại. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: tập sáng sửa. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: kết nối, tiếp nối theo. Chữ viết từ bộ mịch thanh tập, âm tập đồng với âm trên.

Tham nhuế: Ngược lại âm nhất quý. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: nhuế là nổi giận. Sách Thuyết Văn cho rằng: âm hận chữ viết từ bộ tâm thanh nhuế.

Dững mãnh: Ngược lại âm trên dung cũng. Cố Dã Vương cho rằng: hùng dũng quả cảm, quyết đoán. Kinh Thái Huyền nói rằng: các việc quyết đoán mạnh mẽ. Sách Ích Pháp nói rằng: biết việc nguy hiểm mà không tránh gọi là dững. Sách Thuyết Văn cho rằng: khí lực sức mạnh; chữ viết từ bộ lực thanh dững văn cổ viết chữ dững, hoặc viết từ bộ qua viết thành chữ dưng, âm khí là âm khí, âm dững đồng với âm trên.

Khuất thâm: Ngược lại âm trên quân vật.

Chí tất: Ngược lại âm tân nhất, viết đúng là chữ tất. Sách Thuyết Văn cho rằng: xương đầu gối, khuỷu chân; chữ viết từ bộ tiết thanh tất hoặc là viết từ bộ nhục viết thành chữ tất.

Khang tỷ: Âm trên là khang, âm dưới là tỷ vĩ.

Tồn cứ: Âm trên là tồn ngược lại âm dưới cứ ngự.

Các vật: Ngược lại âm trên cửu lục. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: nắm đầy trong tay gọi là súc. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: vốc đầy trong tay. Hàn Thi truyện cho rằng: chứa trong hai tay gọi là súc; chữ viết từ bộ bao âm bao là âm bao, đến bộ mẽ, cũng viết từ bộ thủ viết thành chữ súc.

Kỳ tai: Ngược lại âm tắc lai. Sách Khảo Thanh cho rằng: thịt trong mang con cá. Sách Thuyết Văn viết chữ tai gọi là trong góc xương của con cá, chữ viết từ bộ giác thanh tư, Pháp bốn viết chữ tai nay, kiểm lại các chữ. Tự Thư cho không có, e rằng viết sai.

Đàn chỉ: Ngược lại âm trên đường chu. Kinh văn viết từ bộ cung viết thành chữ đàn này là chẳng phải nghĩa của kinh văn.

Hoàn giáp: Âm trên là hoàn.

Khiêu trịch: Ngược lại âm trên đồ liễu. Thiên Thương Hiệt cho rằng: nhảy vượt qua. Quảng Nhã cho rằng: nhảy cao lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: trật ngã, vất té; chữ viết từ bộ túc thanh triệu. Kinh văn viết từ bộ trắc viết thành chữ trắc là chẳng phải. Ngược lại âm dưới trình kích. Cố Dã Vương cho rằng: chân chừ không quyết, do dự không muốn cất bước, không muốn nhắc chân lên, mà cũng không muốn tiến



tới. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ trích cũng đồng nghĩa, chữ viết từ bộ túc thanh đích.

Nhân một: Ngược lại âm trên nhân kiến. Sách Khảo Thanh cho rằng: một là chìm vào trong nước. Kinh văn viết chữ nhân nghĩa là nuốt vào chẳng phải nghĩa nhân một. Nay không dùng.

Tiền túc: Ngược lại trên tiên điển. Sách Thuyết Văn cho rằng: lấy chân chấn đất, nghĩa là đi chân không, không mang giày dép; chữ viết từ bộ túc thanh tiên.

Nhất hồng: Ngược lại âm hồ cấu cũng viết chữ cấu, hoặc viết chữ hồng.

Khích diễm: Ngược lại âm trên hưng ức. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: khích là màu sắc đỏ. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ xích thanh sắc, ngược lại âm dưới diêm tiêm. Bốn kinh viết chữ diễm cũng thông dụng vẫn thường hay dùng.

Ma kiệt ngư: Ngược lại âm kiên nghịet tên của loài cá lớn, chữ viết từ bộ lập kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ kiệt là chẳng phải.

Bảo tảo: Ngược lại tô quả. Quảng Nhã cho rằng: tảo là xiềng xích liên kết với nhau. Tự Thư cho rằng: cái vòng tròn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngọc thanh tảo, cũng viết chữ tảo là chẳng phải âm tảo đồng với âm trên.

Hoàn bội: Ngược lại âm trên là hoàn. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: một loại ngọc tốt có hình vòng tròn, cái vòng, chiếc khuyên. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: hoàn là cái vòng tròn. Trịnh Huyền cho rằng: cái vòng vây quanh. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: vây quanh. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngọc thanh hoàn. Kinh văn viết từ chữ úy viết, thanh chữ úy là chẳng phải âm hoàn là âm quỳnh.

Đặng đình: Ngược lại âm trên trực thẳng, ngược lại âm dưới định kinh. Bì Thương cho rằng: đình là nước bị ứ đọng lại, ngăn lại. Tự Thư cho rằng: nước ngưng trệ lại không có chảy. Xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ thủy đều thanh đặng đình.

Trâm tự: Ngược lại âm trên trắc kim, lấy nghĩa kinh Phạn âm mà gọi cùng với pháp Du-già cũng đồng. Nay bốn kinh viết là trắc kim là chẳng phải.

Tê thượng: Ngược lại âm trên tê tây.

Đốt lỗ yếm: Ngược lại âm trên đô một, âm giữa là lỗ hai chữ hiệp lại mà đọc Phạn âm. Kinh văn viết chữ đông lộng, hai chữ hiệp lại đọc mất đi nghĩa.

Độn căn: Ngược lại âm trên đô khốn.

Diêm ma: Ngược lại âm trên diêm chiêm.

Lệ oán: Ngược lại âm trên lân niết âm dưới là oán hoán.

\*\*\*\*\*

### **KINH A LỢI ĐA LA ĐÀ LA NI A LỔ LỰC** - *Tuệ Lâm soạn.*

Tam lăng: Ngược lại âm lạt đấng. Sách Thuyết Văn cho rằng: lăng là vật có góc cạnh, móng vuốt, chữ viết từ bộ mộc thanh lăng, cũng viết chữ lạng. Bốn kinh viết chữ lăng này là sai âm lăng là âm lạng, âm trào ngược lại âm cổ hồ.

Bộc lệ: Ngược lại âm phùng mộc, ngược lại âm dưới lê kế. Tự Thư cho rằng: bộc là người làm nô dịch. Sách Thuyết Văn cho rằng: người phụ giúp; chữ viết từ bộ đái thanh lệ. Triện văn viết lệ này âm đái là âm đệ. Kinh văn viết chữ lệ là thông dụng văn thường dùng.

Mậu vong: Ngược lại âm trên mi hựu. Cố Dã Vương cho rằng: mậu cũng giống như là lạ lùng, hiểm, lừa dối. Trịnh Huyền chú giải rằng: sai lầm. Sách Thuyết Văn cho rằng: là người cuồng điên hay quên, nói dối; chữ viết từ bộ ngôn thanh mậu.

Tam điền: Ngược lại âm điệp kiêm. Quảng Nhã cho rằng: điền là ngọt. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngon; chữ viết từ bộ cam đến bộ thiêt dùng lưỡi nếm là biết vị ngọt ngon.

Giác thẳng: Ngược lại giang nhạc. Lã Thị Xuân Thu ghi rằng: giác cũng giống như nếm thử. Cố Dã Vương cho rằng: giác là sức mạnh, cũng giống như cạnh tranh hơn thua. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài thú có sừng, chữ tượng hình. Trong kinh văn viết chữ giác là chẳng phải ngược lại âm (T571) dưới là thẳng chứng.

Hạt tiết: Âm trên là cát, ngược lại âm dưới tiền tiết. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: tiết là sữa trị. Trịnh Tiễn chú giải rằng: tiết sữa chữa tê chĩnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiết là đoạn lìa, chữ viết từ bộ qua thanh tước. Kinh văn viết từ bộ tể viết thành chữ tiết là sai.

Y hiệt y: Y ngược lại âm y ký âm kế là hiền kiết. Sách Khảo Thanh cho rằng: ràng buộc cũng gọi là dùng tấm vải lụa nhuộm làm hoa văn đường viền của gấu áo.

Thâu thạch mạc: Ngược lại âm trên thang hầu. Bì Thương cho rằng: thâu cũng giống như kim loại vàng óng ánh, chữ viết từ bộ kim.

Niết tố: Ngược lại âm trên niên kiết. Sách Khảo Thanh cho rằng:

niết là ấn xuống, vo tròn. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh niết, âm niết đồng với âm trên; hoặc là viết từ bộ thổ viết thành chữ niết.

Uyển đậu: Ngược lại âm trên ô quan. Quảng Nhã cho rằng: loại đậu lựu. Loại đậu thân leo, lá kép hình lông chim, trồng khoảng bốn năm tháng có hoa ở nách lá, hoa chùm từ hai trở lên màu tím, quả dùng để ăn. Lại đậu này cây con có lá uyển chuyển nên mới có tên uyển. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ đậu thanh uyển, âm lưu là âm lưu.

Cốt quá: Ngược lại âm trắc qua.

Na nga: Ngược lại âm ngư hà.

\*\*\*\*\*

## PHÁP QUÁN TỰ TẠI CẦU VĂN TRÌ BẤT VONG

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

\*\*\*\*\*

## KINH THÁNH CA NI KIM CANG ĐÔNG TỬ CẦU THÀNH TỰU

*Tuệ Lâm soạn.*

Phược bạc: Ngược lại âm trên phòng dục: Ngược lại âm dưới bàng giáo. Thống Tự cho rằng: ném xuống đất. Xưa nay Chánh Tự viết từ thủ thanh phốc.

Quan kiện: Ngược lại âm càn kiển.

Trình Chúng chú giải sách Chu Lễ rằng: kiện là máu chốt, cái khóa. Sách Phương Ngôn cho rằng: từ quan ải mà đến Đông Trần Sở gọi cái khóa là kiện. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái quai vật dùng để xâu vào tai của cái đỉnh; chữ viết từ bộ kim thanh kiện, cũng viết chữ kiện. Kinh văn viết chữ từ bộ môn viết thành chữ kiện là văn chữ cổ.

Khỏa lộ: Ngược lại âm trên hoa quả. Sách Thuyết Văn lại viết chữ loa tên của vị tổ. Theo Thanh Loại viết chữ khỏa, hoặc viết chữ khỏa. Bốn kinh viết chữ khỏa này. Tự Thư cho rằng: các chữ đều là xưa đều là âm lực quả.

Thước để: Ngược lại âm trên: thương chước hoặc là viết chữ thước tiếng Phạn gọi là đoạn giáo ngắn.

Khủng tửng: Ngược lại âm trên phiến cũng. Sách Thuyết Văn cho rằng: khủng là lo sợ, chữ viết từ bộ tâm thanh khủng cũng viết chữ khủng này, ngược lại âm dước tức dũng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện

rằng: từng cũng là lo sợ. Sách Thuyết Văn viết chữ từng này nghĩa cũng là lo sợ; chữ viết từ bộ tâm đến bộ song thanh tĩnh. Tự Thư viết chữ từng, âm khủng là âm cũng.

Túc mi: Ngược lại âm trên thúc bộ. Theo Hàn Thi truyện cho rằng: túc là thâu gom lại. Tự Thư cho rằng: co rút lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: loạn; chữ viết từ bộ mịch thanh túc, cũng viết chữ túc này.

Dĩ tháp: Âm tháp, đây gọi là móng vuốt của sư tử, ấn xuống, dùng tay ấn xuống đất.

Tý bác: Ngược lại bỏ các. Sách Thuyết Văn cho rằng: bác là xương vai; chữ viết từ bộ cốt thanh bác, kinh văn viết chữ bác này là chẳng phải.

Sách liệt: Ngược lại sỉ các. Quảng Nhã cho rằng: sách là phân ra. Sách Khảo Thanh cho rằng: đất nứt ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thổ thanh sách, âm sách là âm xích hoặc từ bộ thủ viết thành chữ sách.

Hòa sao: Ngược lại âm xương nhiều. Bì Thương cho rằng: bột lúa mì. Văn Tự Điển nói rằng: bột mì làm khô; chữ viết từ bộ mạch thanh tù. Bồn kinh viết từ bộ thiếu viết thành chữ sao, văn thông dụng thường hay dùng, sơ sơ đều âm sở giáo.

Hoạn thân: Ngược lại âm quan hoạn. Xuân Thu truyện nói rằng: hoạn là mặc áo giáp cầm nắm binh khí. Đỗ Dự chú giải rằng: hoạn thông suốt. Giã Quỷ chú giải sách Quốc ngữ rằng: mặc áo giáp. Sách Thuyết Văn cho rằng: cố chấp tức chết tính nóng vội; chữ viết từ bộ thủ thành hoàn.

Như ngọt: Ngược lại âm ngô cốt. Sách Khảo Thanh cho rằng: ngọt là cây khô héo, rút ngắn lại, tức là cây đã bị đoạn đầu.

Môn khốn: Ngược lại khôn ổn, gọi là cửa hẹp, cũng viết chữ khốn.

Tần thích: Âm tần chữ viết đúng thể. Bồn kinh viết chữ tần là sai, ngược lại âm dưới tử lục.

Nhiên thành: Ngược lại âm trên niên điển.

Yếu thao: Ngược lại thảo điếu. Sách Khảo Thanh cho rằng: dệt sợi tơ làm sợi dây. Sách Thuyết Văn cho rằng: bện sợi tơ; chữ viết từ bộ mịch thanh du. Bồn kinh viết chữ thao là bao của cây cung, chẳng phải nghĩa kinh.

Khư trá: Ngược lại âm trên khương ca, ngược lại âm dưới độn la.

Sở khiết: Ngược lại âm nghiên kiệt. Kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ khiết thông dụng thường hay dùng.

Cấu như: Ngược lại âm câu hầu. Sách Khảo Thanh cho rằng: lấy sửa bò, sửa dê. Bốn kinh viết chữ cấu là chẳng phải.

Qua mạn: Ngược lại âm trên cổ hoa. Quảng Nhã cho rằng: móng rồng, móng cọp, xương dê, đầu thỏ, xương cốt đầu chồn v.v... Thuộc về móng vuốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: qua là loại dây leo, chữ tượng hình. Kinh văn viết chữ qua là chẳng phải ngược lại âm dưới là vạn.

Tích lịch: Ngược lại âm trên thất diệc, ngược lại âm dưới lịch. Bốn kinh viết tích lịch văn thường hay dùng.

Khu tẩn: Ngược lại âm trên khu vu, ngược lại âm dưới tân ấn.

Nhiều não: Ngược lại trên nãi liễu.

\*\*\*\*\*

### KINH KIM CANG ĐỒNG TỬ NIỆM TỤNG NGHI QUI

*Tuệ Lâm soạn.*

Vi quyền: Ngược lại âm quyển viên.

Như tường: Ngược lại âm tương dương.

Loa bôi: Ngược lại âm trên lô qua, ngược lại âm dưới bát mai.

Trực thụ: Ngược lại âm thù nhũ. Cố Dĩ Vương cho rằng: thụ là đứng thẳng, ngay ngắn. Sách Thuyết Văn cho rằng: là đứng, chữ viết từ bộ kiên đến thanh đậu. Trụ văn viết chữ thụ, tục dùng viết chữ thụ, âm kiên ngược lại âm khẩu thiên.

Kiểu thủ: Ngược lại âm trên nhiều liễu. Sách Khảo Thanh cho rằng: kiểu là buộc lại, ràng buộc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh kiểu.

Thứ phụng: Ngược lại âm phù dũng. Quảng Nhã cho rằng: hai tay nắm giữ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh phụng.

\*\*\*\*\*

### KINH THÁNH UY ĐỨC KIM CANG ĐỒNG TỬ ĐÀ LA NI

*Tuệ Lâm soạn.*

Quặc trắc: Ngược lại âm trên câu quặc. Sách Thuyết Văn cho rằng: quặc cây bừa lớn; chữ viết từ bộ kim thanh quặc, ngược lại âm dước trắc giác. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: trắc là chặt đẻo vót. Sách Thuyết Văn cho rằng: là chặt đốn ngã, chữ viết từ

bộ cân thanh lưu, âm quặc ngược lại âm vương quặc, âm quặc ngược lại âm hứa phước, âm lưu là âm đậu.

Quật khứ: Ngược lại âm trên quẩn uất. Sách Khảo Thanh cho rằng: đào xuyên qua, chữ viết từ bộ thủ cũng viết từ bộ thổ viết thành chữ quật.

Sắc phương: Ngược lại trên sơ sắc. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: sắp bày các dụng cụ, các vật cho ngay ngắn tề chỉnh; chữ viết từ bộ điền đến bộ nhơn thanh tuy âm tuy là âm tuy.

Sáp tác: Ngược lại âm sở linh.

Phật khốt: Ngược lại âm khôn cốt.

Cấp cấp: Ngược lại âm tô hợp. Quách Phác cho rằng: cấp cấp là mau chóng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mã thanh cấp.

Tiểu tháp: Ngược lại âm hàm lạp. Sách Khảo Thanh cho rằng: miếng ván nhỏ làm giường. Bốn kinh viết chữ tháp này chẳng phải.

Trác thực: Ngược lại âm trên trúc giác.

Tiểu lữ: Ngược lại âm trên tiên tiển. Sách Khảo Thanh cho rằng: sợi chỉ, ngược lại âm dước là lực củ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là sợi chỉ nối kết lại, chữ viết đều từ bộ mịch đến thanh tiển lữ.

Yên hoãn quang: Âm giữa là nô quả gọi ấm áp, ôn hòa, hoặc là viết chữ hoãn, tục tự viết chữ hoãn. Ba loại chữ này cộng thêm chữ bị là cái chẵn, mền, cũng là tương ứng ấm áp.

Ác chú: Âm chú.

Huyền tích: Âm trên huyền. Tục Tự cho rằng: chữ này vốn không đung1, ngược lại âm dưới thất diệc.

Trĩ bệnh: Ngược lại trên trì lý. Sách Thuyết Văn cho rằng: bệnh sau hậu môn, bệnh trĩ; chữ viết từ bộ tật thanh tự.

Phi tiển: Âm trên là phi. Tự Thư cho rằng: phi là sợi chỉ may khâu, Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mịch thanh phi.

Biên thứ: Ngược lại âm trên tỳ miên.

\*\*\*\*\*

## **KINH VĂN THÙ SỬ LỢI DIÊM MẠN ĐỨC CA ĐẠI MINH VƯƠNG THÀNH TỰU - Tuệ Lâm soạn.**

Phấn tấn: Ngược lại trên phương vấn. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: phấn là động. Quảng Nhã cho rằng: phấn chấn, thư thả, thoải mái. Sách Thuyết Văn cho rằng: con chim đập cánh, giống như là sắp bay

lên; chữ viết từ bộ truy, âm tuy ở trên bộ điền, ngược lại âm dưới tuân nhuận. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: tấn là mau chóng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xước thanh tấn âm tấn là âm tín.

Mạn khóa: Ngược lại âm trên mấn bát, ngược lại âm dưới khoa hóa. Sách Thuyết Văn cho rằng: khóa là xương đùi; chữ viết từ bộ cốt thanh quả, âm bề ngược lại âm bại mẽ. Bốn kinh viết chữ khóa là thông dụng văn thường hay dùng.

Sóc ấn: Ngược lại âm trên song giác.

Tác kế: Âm kế.

Loa giác: Ngược lại trên lỗ qua. Tục tự viết chữ loa là đúng; chữ viết loa.

\*\*\*\*\*

### **KINH THÁNH DIÊM MẠN ĐỨC UY NÔ VƯƠNG LẬP THÀNH ĐẠI THẦN NGHIỆM NIỆM TỤNG PHÁP**

Tài tụng: Âm trên là tài. Cố Dã Vương cho rằng: tài cũng giống như người có khả năng. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mịch thanh tài.

Chú nhất: Ngược lại âm trên chu thụ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chú là nấu chảy kim loại ra đúc kim; chữ viết từ bộ kim thanh chú.

Sóc ấn: Ngược lại âm trên song tróc. Kinh văn viết chữ sóc này là chẳng phải.

Lưỡng bề: Ngược lại âm trên huy mẽ. Sách Thuyết Văn cho rằng: xương đùi ngoài chữ viết từ bộ cốt thanh ty. Lại cũng viết chữ bề (T572) kinh văn viết từ bộ nhục viết thành chữ bề là thông dụng, văn thường hay dùng.

\*\*\*\*\*

### **KINH MẠN THÙ THẤT LỢI BỒ TÁT DIÊM MẠN ĐỨC CA PHẦN NỘ CHƠN NGÔN NGHI QUI - Tuệ Lâm soạn.**

Thiên phước: Ngược lại âm thư chước.

Nguyệt yểm: Ngược lại âm trên y điểm. Sách Thuyết Văn cho rằng: nốt ruồi đen; chữ viết từ bộ hắc thanh yểm.

Si tiểu: Ngược lại âm trên xỉ chi, âm dưới tiểu diệu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: trách khéo. Thiên Thương Hiệt

ghi rằng: quở trách la mắng. Sách Thuyết Văn cho rằng: đưa cọt; chữ viết từ bộ ngôn thanh tiểu hoặc là viết chữ tiểu.

Quán sức: ngược lại âm trên quan hoàn. Cố Dã Vương cho rằng: phàm tắm gội tẩy rửa vật đều gọi là quán. Sách Thuyết Văn cho rằng: rửa tay, tắm gội; chữ viết từ bộ cữu bộ thủy đến bộ mãnh, âm cữu là âm cục, ngược lại âm dưới thi lục.

Môn trì: Âm trên là môn.

Tí kỳ điệp: Ngược lại âm trên tử tứ. Cố Dã Vương cho rằng: tí cũng giống như ngâm vào trong nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: bọt nước. Chữ viết từ thủy thanh trách, âm dưới là điệp. Bì Thương cho rằng: điệp là loại vải bố thưa. Tự Thư cho rằng: vải nhung, bốn kinh viết chữ tiết, ngược lại âm tiên tiết, chẳng phải nghĩa kinh.

Huy đạm: Ngược lại âm đàm lam. Sách Khảo Thanh cho rằng: đạm là điềm nhiên, điềm tĩnh, trang sức thô sơ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh chiêm âm chiêm, âm chiêm là âm chiêm.

Mộc hoạn: Âm hoạn. Sách Khảo Thanh cho rằng: tên của hoạn.

Cốt mật: Âm mật.

Bái chú: Ngược lại âm trên hoại bối. Sách Khảo Thanh cho rằng: mưa nhiều. Các Tự Thư đều viết chữ bái gọi là bàng bái là mưa tầm tã, mưa như trúc nước, nước chảy xối xả, ào ạt. Ngược lại âm dưới chu thú, nghĩa nước chảy từ trên xuống; chữ viết từ bộ thủy. Kinh văn viết từ bộ vũ viết thành chữ chú tục dùng chữ này là chẳng phải.

Lục miệt: ngược lại âm trên lục trùng. Cố Dã Vương cho rằng: lục là sai phạm bức bách, cục rữ xuống. Sách Thuyết Văn cho rằng: vượt qua; chữ viết từ bộ tuy đến bộ lục, chữ lục cổ. Kinh văn viết chữ lăng là chẳng phải, ngược lại âm dưới miên miệt, miệt là khinh thường, đã giải thích quyển trước rồi. Kinh văn viết chữ miệt là chẳng phải.

Đạp mạnh: Ngược lại âm trên đàm nạp. Tục Tự cho rằng: viết đúng là chữ thấp, ngược lại âm dưới mạnh bác.

Khỏa thể: Ngược lại âm trên hoa quả, cũng viết chữ khỏa đều đồng nghĩa.

Thư lan: Ngược lại âm trên thư dư.

Sáp thực: Ngược lại âm trên tử lạp.

Bột lâu đằng: Ngược lại trên bổ cốt, âm giữa lỗ câu, âm dưới đặc đằng.

Tảo sắt: Ngược lại trên tao lão. Ngược lại âm dưới chu tiết. Sách Thuyết Văn cho rằng: loại ký sinh trùng ở người và súc vật, hút máu để sống, giống như con chấy; chữ viết đều từ bộ côn đều thanh tảo tấn, âm



tấn là âm tín, âm táo là âm thảo.

Yểm tập: Ngược lại âm trên yểm nghiễm, ngược lại âm dưới tâm lập.

\*\*\*\*\*

### KINH ĐẠI UY NỘ Ô SÔ SÁP MA THÀNH TỰU NGHI QUI

Sái thấu: Ngược lại âm trên tây lễ. Hàn Khang Bá chú giải sách Chu Dịch rằng: sái là tẩy rửa. Sách Thuyết Văn cho rằng: tẩy rửa sạch sẽ; chữ viết từ thủy thanh sái. Kinh văn viết chữ tẩy là âm tiên điển, chẳng phải nghĩa kinh, ngược lại âm dưới tủng hựu. Sách Khảo Thanh cho rằng: là xúc mạng. Kinh văn viết chữ thấu văn thông dụng thường hay dùng.

Cử át: Ngược lại âm an cát.

Xa lộ: Ngược lại âm lô cố.

Kỳ uyển: Ngược lại âm uyển hoán. Trịnh Chúng chú giải Nghi Lễ rằng: uyển là khuỷu tay phía sau, hoặc là viết chữ uyển. Bốn kinh viết chữ uyển này là chẳng phải.

Ái pháp viết đúng là chữ pháp này.

Trúc giai: Âm trên là trúc.

Toại hỏa: Âm trên là toại cũng viết chữ toại này. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: toại là dụng cụ lấy lửa. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: lấy lửa từ mặt trời, dùng gương chiếu thẳng nơi mặt trời sẽ chiếu sáng có lửa leo lên, cho rằng lửa. Hứa Thúc Trọng chú giải rằng: toại là lấy năm loại đá làm đồng tinh luyện thành gương tròn, đưa lên mặt trời tức thì được lửa. Sách Khảo Thanh cho rằng: nay nghệ thuật lấy lửa đã có thừa, rất dễ tiện được lửa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ kim thanh toại, cũng viết chữ toại này. Kinh văn viết chữ toại văn thường hay dùng.

Thao kỳ: Ngược lại âm trên khẩu hiệp, Bì Thương cho rằng: thao là gây ngứa. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ thủ thanh thao.

Khôi quái: Ngược lại trên khổ hồi ngược lại âm dưới hoại ngoại.

\*\*\*\*\*

### KINH ĐẠI UY LỰC Ô SÁP MA (3 Quyển)

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

**KINH ĐẠI LỰC KIM CANG** - *Tuệ Lâm soạn.*

Phù dung: Âm trên là phù âm dưới là dung, tức là hoa sen.

Thư bộ: Ngược lại trên thư dạ. Sách Vận Anh cho rằng: cây cột trụ dựng nghiêng. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: cây thương dựng ngược, chữ viết từ trúc thanh thư.

Thú miến: Ngược lại âm trên thư lự. Quảng Nhã cho rằng: trộm nhìn. Cố Dĩ Vương cho rằng: các nước chư hầu trộm nhìn dò xét lẫn nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mục thanh thư hoặc là viết chữ thú này cũng viết chữ thư, ngược lại âm dưới miên biến. Sách Thuyết Văn cho rằng: con mắt nghiêng một bên tức là liếc nhìn, cũng gọi là nhìn nghiêng, chữ viết từ bộ mục. Thanh miến, âm thư ngược lại âm tài hà, âm miến là âm miến.

Bảng ấn: Ngược lại bảng giảng. Nay thông dụng viết chữ bảng.

Ấ thân: Ngược lại âm trên lưu giá. Tự Thư cho rằng: là nương nhờ, cậy nhờ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhơn thanh á.

Diệp điệp: Ngược lại âm diềm điệp. Sách Khảo Thanh cho rằng: loại vải lông thưa, cũng gọi là lấy từ bông hoa cỏ dệt lại làm vải thưa. Kinh văn viết chữ diệp này là chẳng phải.

Sái loát: Ngược lại trên tây lễ, văn trên đã giải thích rồi, ngược lại âm dưới tung liệt. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: loát là cọ rửa sạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: lau chùi, chữ viết từ bộ hựu tức là tay giữ lấy, cân là cái khăn dưới là bộ thi. Kinh văn viết chữ loát, loát là cọ sạch, kỳ cọ cũng thông dụng văn thường hay dùng.

Bà nga vong: Âm giữa ngư ca ngược lại âm dưới vong phạm, tiếng Phạn. Đường Huyền Trang cho rằng: là Đức Thế Tôn hoặc là viết từ bộ kim viết thành chữ song.

Sa cốc: Âm trên là sa âm dưới hồ ốc.

Hội sơn: Ngược lại âm trên hồi hội. Trịnh Tiển chú giải sách Quốc ngữ rằng: hội là vũ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mịch thanh hội.

An thiện na: Âm thiện, tiếng Phạn. Khoáng thạch màu sắc xanh làm thuốc trị bệnh mắt.

Trực tiết: Tự Thư âm là tiết, tiết là rãi nước. Sách Khảo Thanh âm tiển thiết. Sách Vận Anh cho rằng: nước chảy nhanh, nước bắn tung tóe. Xưa nay Chánh Tự tự viết từ bộ thủy thanh tiết.

\*\*\*\*\*

**KINH ĐẠI LỰC KIM CANG CẦU THÀNH TỰU** - *Tuệ Lâm soạn.*

Khô tụy: Ngược lại âm từ trụ.

Môn điểm: Ngược lại âm điểm điểm.

Mộc tiệp: Ngược lại âm tư diệp. Sách Thuyết Văn viết chữ tiệp gọi là giày dép, bên trong có độn cỏ khô, viết từ bộ lý, thanh tĩnh diệp cũng viết chữ tiệp này.

Mi lộc: Ngược lại trên mỹ bi. Sách Phương Ngôn cho rằng: my là con nai già. Bạch Hổ Thông cho rằng: con xạ hầu, loài thú giống như con hươu nhưng nhỏ hơn là làm mê hoặc người. Loài hươu đó nói là mê. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc giống nai, chữ viết từ bộ lộc thanh mẽ.

\*\*\*\*\*

**KINH ĐẠI LỰC KIM CANG THÀNH TỰU CHỦ NGUYỆN**

*Tuệ Lâm soạn.*

Củ phương: Ngược lại âm trên câu lưỡng. Thế Bản cho rằng: làm khuôn phép qui cũ, phép tắc. Quảng Nhã cho rằng: cái ê ke đo góc vuông. Trịnh Tiến chú giải sách Khảo Công Ký rằng: chỗ gọi là người giữa phép tắc qui luật. Lại gọi là người cao lớn là tám thước, mặt to cổ có ba ngón, từ bụng đến cổ chân thông có ba, thông thường cây ê ke có hai thước sáu tất ba phân, một thốn, đến hai thốn. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: phép tắc; chữ viết từ bộ thỉ thanh cự, cũng viết chữ củ này.

Cam thanh sắc: ngược lại âm trên cam hám. Sách Thuyết Văn cho rằng; cam là màu tím thắm, có pha sắc đỏ, chữ viết từ bộ mịch thanh cam.

Chi nhụy: Ngược lại âm nhi chùy. Sách Khảo Thanh cho rằng: nhụy hoa. Xưa nay Chánh Tự viết chữ nhụy, gọi là tim hoa; chữ viết từ bộ thảo thanh nhụy, âm nhụy ngược lại âm tài tửy.

Khổ luyện: Âm luyện tên của cây.

Lưỡng sương: Ngược lại âm tưởng dương.

Trứ mi: Ngược lại âm trên trâu sừ. Kinh văn viết chữ trứ này cũng thông dụng, văn thường hay dùng.

Lạc hoắc: Ngược lại âm trên lực giác, âm dưới khổng giác.

Dĩ sao: Ngược lại âm sơ giảo cũng viết chữ sao này.

Nhiên thành: Ngược lại âm trên niên điển.

Thiện dụ: Âm dụ.

**KINH KIM CANG THỦ QUANG MINH QUÁN ĐẢNH,  
PHÁP TRUNG VÔ ĐỘNG TÔN NIỆM TỤNG** - *Tuệ Lâm soạn.*

Nghiệt lỗ mã: Ngược lại âm trên ngư liệt, âm giữa lỗ âm dưới ni da tiếng Phạn.

Câu thấu: Ngược lại âm sang tấu.

Thôn hám: Ngược lại âm trên thổ ân âm dưới đàm lăm.

Toàn lam: Ngược lại âm lăm cam. Gọi là gió mạnh dữ dội, cuồng (T573) phong.

Khôi tẫn: Ngược lại âm từ dẫn. Tục Tự cho rằng: viết đúng là chữ tẫn.

Muội tiếu: Ngược lại âm tiêu diêu, cái túi đựng đao kiếm, bao kiếm cũng viết chữ tiếu, gọt vót, cạo làm cho bóng nhẵn.

Hiện miểu: Ngược lại âm di tiếu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chột mắt, một con mắt nhỏ; chữ viết từ mục đến bộ thiếu, thiếu cũng là thanh.

Ấm ác: Ngược lại âm trên áp ngâm. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhà hầm dưới đất, chữ viết từ bộ huyết thanh ám. Sách Thuyết Văn âm khứ thanh.

Ban ngân: Ngược lại âm trên bạn bát. Sách Thuyết Văn cho rằng: ban là vết sẹo, ngược lại âm dưới hận ân. Sách Thuyết Văn cho rằng: vết sẹo, hai chữ đều từ bộ tật đều thanh bát cấn. Kinh văn viết chữ bàn này là sai, âm di ngược lại âm dĩ chi.

Thiên chương: Ngược lại âm chương nhược. Quảng Nhã cho rằng: chương là nóng nhiệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: là sáng rõ ràng. Chữ viết từ bộ hỏa thanh trắc.

Khả tự: Ngược lại âm trên ô nhã.

\*\*\*\*\*

**KINH ĐỂ LỊ TAM MUỘI DA PHÁP BẤT ĐỘNG SỬ GIẢ  
NIỆM TỤNG**

Hám mâu: Ngược lại âm trên hàm cam, ngược lại âm dưới mưu cảm, tiếng Phạn.

Phước bạc: Ngược lại âm bàng mạc. Kinh văn viết chữ phú ngược lại âm phổ mạch, chẳng phải nghĩa kinh văn.

Tự ngư: Âm tự.

Biện phát: Ngược lại âm trên tiện miến. Sách Thuyết Văn cho

rằng: dây xe thành sợi dài; chữ viết từ bộ mạch thanh biện âm biện là âm biện.

\*\*\*\*\*

### KINH THÁNH BẤT ĐỘNG TÔN SỨ GIẢ THÀNH TỰU

*Tuệ Lâm soạn.*

Tác bệ: Ngược lại âm bế mê.

Phan chi: Ngược lại âm trên bàn mãn. Chữ thượng thanh, cũng thông với khứ thanh. Sách Khảo Thanh cho rằng: phan là khấy trộn. Sách Vận Thuyên cho rằng: trái, bày ra cùng nhau hòa trộn lại. Thống Tự cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh bán. Kinh văn viết chữ phan này là chẳng phải nghĩa của kinh văn.

Giải cấu: Ngược lại âm trên hài giải, ngược lại âm dưới hậu cấu. Theo Hàn Thi truyện cho rằng: giải cấu là bất ngờ mà gặp. Sách Khảo Thanh cho rằng: so le, không đồng đều. Xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ tẩu đều tranh giải hậu.

Huy ác: Ngược lại trên hủy vi. Cố Dã Vương cho rằng: lấy cờ xí mà chỉ cho số đông. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: chỉ huy trong quân đội, nếu chỉ lung tung thì loạn. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: huy là chiêu dụ, kêu gọi. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ma, đến bộ mao.

\*\*\*\*\*

### KINH PHẬT THUYẾT TỶ SA MÔN THIÊN VƯƠNG THÀNH TỰU - *Tuệ Lâm soạn*

Vu điền: ngược lại âm điền luyện, tên Quốc ngữ của người Hồ, cũng là tên nước.

Y giáp: Ngược lại âm trên y ký, ngược lại âm dưới cổ giáp. Trịnh Tiển chú giải sách Chu Lễ rằng: áo giáp nay gọi là khải cũng là áo giáp. Sách Thuyết Văn cho rằng: người phương Đông mặc áo giáp, ngăn ngừa mãnh dương khí mạnh động, chữ viết từ bộ mộc, mang trên mình tin tưởng rằng áo giáp sẽ ngăn ngừa binh khí xâm nhập. Thái Nhất kinh nói rằng: giáp là đứng đầu, giáp cũng giống như người đứng đầu. Kinh văn viết chữ giáp là chẳng phải.

Đại loa: Ngược lại dưới lô qua, đã giải thích đầy đủ. Kinh thư

duyên viết chữ loa là chẳng phải.

Đình tượng: Ngược lại âm đình tĩnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: đồng thiếc chì còn nguyên chất, chữ viết từ bộ kim thanh đình.

Tân thiết: Ngược lại âm trên tất tần. Kinh văn viết chữ tân này là chẳng phải, ngược lại âm dưới thiên kiết. Kinh văn viết chữ thiết là thông dụng văn thường hay dùng.

Giới tiên: Âm trên là giới, ngược lại âm dưới tiên tiến. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiên là bệnh nấm trên da lan dần, cũng là bệnh ung nhọt, chữ viết đều từ bộ tật đều thanh giới giải. Kinh văn viết chữ tiên này là chẳng phải âm dương là âm dương.

Thieu nhiệt: Ngược lại âm nhi chuyết. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: thieu đốt lửa cháy làm nóng lên. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: sáng tỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hỏa thanh nhiệt, âm nhiệt là âm nghệ.

Hắc nhiên: Ngược lại âm trên là mặc. Cố Dã Vương cho rằng: hắc là không nói ra lời. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ khẩu thanh hắc.

\*\*\*\*\*

### **KINH TỶ SA MÔN THIÊN VƯƠNG** - *Huyền Ứng soạn.*

Phong nhiêu: Ngược lại âm trên phương phong. Sách Chu Dịch cho rằng: phong là đầy đủ, nhiêu. Trịnh Huyền chú giải sách Chu lễ rằng: dày, dồi dào tươi tốt. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: tươi tốt rậm rạp. Giã Quỷ chú giải Sách Quốc ngữ rằng: nhiêu, tràn đầy. Sách Thuyết Văn cho rằng: đậu ngũ cốc tràn đầy, được mùa, chữ viết từ bộ đậu chữ tượng hình. Nay thông dụng viết chữ phong này là sai, ngược lại âm dưới nhiêu chiêu. Quảng Nhã cho rằng: nhiêu là nhiều, nhiều ích, gọi là phong là dày. Theo Thanh loại cho rằng: dư dật giàu có. Sách Thuyết Văn cho rằng: đầy no đủ; chữ viết từ bộ thực thanh nhiên. Bản kinh viết chữ nhiêu này là chẳng phải nghĩa kinh văn.

Trữ tích: Ngược lại chữ lữ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: trữ là kho cất chứa, chữ viết từ bộ bối thanh trữ, âm trữ ngược lại âm trừ lữ.

Khai phu: Ngược lại âm phủ vô. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: phu là sắp bày. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ thốn thanh bộ. Kinh văn viết chữ phu cũng thông dụng văn thường hay dùng.

Hoa mạn: Âm man hoặc viết chữ mạn.

Kim khiếp: Ngược lại âm kiêm diệp. Sách Thuyết Văn chữ khiếp là cái rương bọc kín, chữ viết từ bộ phương thanh hiệp từ bộ trúc đó hoặc là chữ cũng đồng nghĩa, âm giam là âm hàm, âm phương là âm phương.

Câu tri: Âm tri.

\*\*\*\*\*

### KINH CAM LỘ QUÂN TRÀ LỢI BỒ TÁT CÚNG DƯỜNG NIỆM TỤNG THÀNH TỰU NGHI QUỶ

Mẫn niệm: Ngược lại âm trên mẫn vẫn. Hà Hưu chú giải Công Dương truyện rằng: mẫn là thương xót, đau khổ. Quảng Nhã cho rằng: nhớ nghĩ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tâm thanh mẫn âm mẫn đồng với âm trên. Bốn kinh viết chữ mẫn này cũng thông dụng.

Kiểu cuồng: Ngược lại âm trên kiêu tiểu. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: kiểu là tự xưng đối trá lấy làm hữu vi. Cố Dã Vương cho rằng: giả xưng gọi là kiểu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chuyên về, giỏi về; chữ viết từ bộ thủ thanh kiêu. Bốn kinh viết kiêu nghĩa là thẳng chẳng phải nghĩa kiêu cuồng.

Lâm ly: Âm trên lực kim. Quảng Nhã cho rằng: lâm là ngâm vào trong nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: lấy nước tưới lên, hoặc gọi là ướt át đầm đìa nước từ trên núi đổ xuống, chữ viết từ bộ thủy thanh lâm, ngược lại âm dưới lý chỉ. Bì Thương cho rằng: nước thấm vào đất. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh ly.

Tứ khiêu: Ngược lại âm đồ điều. Quảng Nhã cho rằng: khiêu là nhảy lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ túc thanh triêu.

Điền sức: Ngược lại âm trên điền luyện. Khảo Thanh cho rằng: lấy trân báu làm đồ trang sức. Sách Văn Tự Tập Lược nói rằng: lấy vàng làm hoa tai, chữ viết từ bộ kim thanh điền, ngược lại âm dưới là thẳng lực văn trước đã giải thích trùng lặp rồi.

Hy hỷ: Ngược lại âm trên hỷ kỳ, âm dưới hy ký.

\*\*\*\*\*

### KINH TỬ THỊ BỒ TÁT ĐÀ LA NI CẦU THƯỢNG SANH (Không có chữ có thể giải thích âm.)

## KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG MẠN THÙ THẤT LỢI, KINH QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT THỌ KÝ PHẨM

Miệt lê xa: Ngược lại trên miên kiết, âm giữa liên kết ngược lại âm dưới xích xa, tiếng Phạn tên của lập sư.

Phanh kỳ: Ngược lại âm trên bá manh.

Nguyệt yểm: Ngược lại âm y diễm, tên kim cang phần nộ.

Noa chưỡng: Ngược lại âm trên nô hòa.

Sa cốc: Âm trên sa, ngược lại âm dưới hồng ốc, quyển trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Lan hạm: Ngược lại âm trên lãng an, ngược lại âm dưới hàm ám.

Bộ thuần: Ngược lại âm trên tỳ mẽ, ngược lại âm dưới thời duẩn.

Tiêm lợi: Ngược lại âm trên tức chiêm. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: tiêm là sợi dây nhỏ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mạch thanh tiêm. Theo nghĩa kinh văn là móng vuốt của áo giáp nhỏ mà rất bén, chữ viết từ bộ kim viết thành chữ điềm.

Hữu bát: Ngược lại âm bổ mạc. Sách Thuyết Văn cho rằng: bát là xương giáp với vai; chữ viết từ bộ cốt thanh chuyên. Kinh văn viết từ bộ nhục viết thành chữ bát là chẳng phải, ngược lại âm phổ mạc.

\*\*\*\*\*

### KINH QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT THỌ KÝ - *Tuệ Lâm soạn.*

Ban lan: Ngược lại âm trên bát man. Sách Vận Anh cho rằng: ban lan là màu sắc rực rỡ, xen lẫn nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ biện viết thành chữ biện nghĩa hoa văn màu sắc sặc sỡ xen lẫn với nhau. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: hoa văn nhìn chói mắt, hoặc viết chữ giao gọi là màu sắc lóm đóm, loang lổ; chữ viết từ bộ văn thanh biện nghĩa giải thích cũng đồng như trên. Xưa nay Chánh Tự hoặc là viết chữ lân viết thành chữ lân âm lân ngược lại âm lực chấn, âm biên ngược lại âm biên miên, âm lân ngược lại âm lực tấn, âm tấn ngược lại âm tịch dẫn.

Vi diệp: Ngược lại âm trên vĩ quĩ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: vĩ là màu sắc đỏ rực. Sách Thuyết Văn cho rằng: màu đỏ sặc sỡ; chữ viết từ bộ hỏa thanh vĩ, ngược lại âm dưới diêm nghiệp. Sách Thuyết Văn cho rằng: diệp cũng là sáng rực; chữ viết từ bộ hỏa thanh diệp. Mao Thi Truyện cho rằng: diệp là lần sáng của điện chớp. Kinh văn viết từ bộ hoa viết thành chữ diệp. Sách Dịch Thư Tự cho rằng: âm diệp



đồng với âm trên.

Phân phúc: Ngược lại âm dưới bằng phúc. Sách Khảo Thanh cho rằng: hương thơm ngào ngạt; chữ viết từ bộ hương thanh phúc.

\*\*\*\*\*

### **KINH QUÁN TỰ TẠ BỒ TÁT THUYẾT PHỔ HIỀN ĐÀ LA NI** (Không có chữ giải thích âm.)

\*\*\*\*\*

### **KINH SỬ TỬ TRANG NGHIÊM VƯƠNG BỒ TÁT THỈNH VẤN**

Biên la: Ngược lại âm trên biện miên. Cố Dã Vương cho rằng: biên la cũng giống như bày la liệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mã thanh biện, âm biện ngược lại âm tiện miến.

Bái nhiêu: Ngược lại trên phổ bối. Hà Hưu chú giải Công Dương truyện rằng: bái là có dư thừa, đầy đủ, vui mừng. Sách Mạnh Tử nói rằng: bái nhiên là uy đức giáo hóa làm vang cả biển. Cố Dã Vương cho rằng: hồng ân mưa thuận mùa như tưới nước cho vạn vật không nơi nào là không tươi tốt. Quảng Nhã cho rằng: lớn mạnh. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh bái hoặc viết từ bộ viết thành chữ bái, âm bái đồng với âm trên. Âm khoát ngược lại âm hồ ngoại, âm chú ngược lại âm chi thú.

Áp thân: Ngược lại âm trên ô giáp. Sách Khảo Thanh cho rằng: đè nén, trấn áp. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thổ thanh yểm.

Trách thân: Ngược lại âm trên tranh cách. Văn trước đã giải thích rồi, kinh văn viết chữ trách này là chẳng phải.

Trùng khải: Ngược lại trên trực trung. Kinh văn viết chữ hủy là âm hủy. Nay văn thông dụng thường hay dùng, âm dưới là nghi ỷ. Sách Thuyết Văn cho rằng: khải là con phù du; chữ viết từ bộ trùng thanh khải.

\*\*\*\*\*

### **KINH BÁT ĐẠI BỒ TÁT MẠN TRÀ LA**

Ứ khóa: Ngược lại khoa hóa ; chữ viết đúng thể. Bốn kinh viết chữ

khỏa (T574) tục tự thường hay dùng.

Hy di: Ngược lại âm trên hỷ kỳ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: hy là quang minh sáng suốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hỏa thanh hy, âm là âm di, ngược lại âm dưới là, văn trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Nhứt thiết Như Lai bạch hào thủy sanh quáng tự tại Bồ tát chơn ngôn điệt, cũng là tên điện quang xá thành khả úy hình la sát tư pháp.

Phục diện: Ngược lại âm bằng mặc. Sách Thuyết Văn cho rằng: phục là nằm xuống; chữ viết từ bộ bao thanh phúc.

Hấp hạp: Ngược lại âm trên hâm ấp. Trịnh Tiến chú giải Mao Thi Truyện rằng: hấp giống như là dẫn vào. Quảng Nhã cho rằng: uống vào. Sách Thuyết Văn cho rằng: hít hơi thở vào bên trong; chữ viết từ bộ khẩu thanh cập, cũng viết chữ hâm. Kinh văn vốn viết chữ hấp là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là hồ hạp. Sách Thuyết Văn cho rằng: hạp cũng là uống vào; chữ viết từ bộ khiếm thanh hợp. Kinh văn vốn viết chữ hiệp này cũng thông dụng văn thường hay dùng.

Khu tân: Ngược lại âm tân tẩn. Sách Khảo Thanh cho rằng: cất giữ. Kinh văn viết chữ tân này là sai.

\*\*\*\*\*

### **KINH MA LỢI CHI THIÊN NỮ**

Kiểu đầu: Ngược lại âm trên nhiều liễu. Sách Khảo Thanh cho rằng: kiểu là ràng buộc. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh khiểu. Sách Vận Thuyên cho rằng: viết từ bộ cân viết thành chữ kiểu cũng thông dụng.

\*\*\*\*\*

### **KINH ĐẠI KIẾT TƯỜNG THIÊN NỮ THẬP NHỊ KHẾ NHẤT BÁCH BÁT DANH VÔ CẤU ĐẠI THỪA** (Không có từ để âm nghĩa)

\*\*\*\*\*

**KINH ĐẠI KIẾT TƯỜNG THIÊN NỮ**

Nghệ Thế Tôn sớ: Ngược lại âm trên nghệ kế. Cố Dã Vương cho rằng: nghệ là đốn. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: cũng là đến. Sách Thuyết Văn cho rằng: đến hầu; chữ viết từ bộ ngôn thanh chỉ.

\*\*\*\*\*

**KINH MA LỢI CHI THIÊN**  
(Không có chữ có thể giải thích âm.)

\*\*\*\*\*

**KINH CỨU DIỆM NHIÊN NGẠ QUỈ ĐÀ LA NI THẦN CHÚ**

Luy sớ: Ngược lại âm trên luy truy. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: luy là gây yếu. Giã Quỳnh chú giải sách Quốc ngữ rằng: luy là bệnh tật. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: thiếu kém. Quảng Nhã cho rằng: rất kém. Tự Thư cho rằng: rất mỗi một. Sách Thuyết Văn cho rằng: ốm gây. Chữ viết từ bộ dương thanh luy. ngược lại âm dưới sớ hựu. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: sớ là gây gò, mảnh khảnh; chữ viết từ bộ tật thanh sớ âm cụ ngược lại âm cụ vu, âm sớ ngược lại âm tố khẩu.

\*\*\*\*\*

**KINH DIỆM VI NGẠ QUỈ**  
(Không có chữ có thể giải thích âm.)

\*\*\*\*\*

**KINH A TRÁ BÀ CÂU QUỈ THẦN ĐẠI TƯỚNG  
THƯỢNG PHẬT ĐÀ LA NI**

Cầm thú: Ngược lại âm trên cự lâm. Bạch Hổ Thông giải thích rằng: cầm đó là loài thú chim muôn. Sách Thuyết Văn cho rằng: là tên chung của loài cầm thú, rõ ràng là người chỗ cầm thú mà chế ra. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thú có hai chân mà có lông vũ gọi là cầm. Sách Thuyết Văn cho rằng: tên chung của loài cầm thú biết chạy, cái đầu

---

giống như hình, chữ viết từ bộ nhữ. Nay Thanh Loại cho rằng: loài cầm là đầu nó lõm tương tự như thân hình. Ngược lại âm dưới là thi cứu. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: loài thú có bốn chân mà có lông mao. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: loài thú biết chạy. Sách Thuyết Văn cho rằng: thủ lược; chữ viết từ bộ khuyển đến bộ thú thanh diệt. Bốn kinh viết chữ thú người thợ sơn to lớn chẳng phải nghĩa kinh âm nhữ ngược lại âm nhu truy âm thú ngược lại âm hưu.

Lịch toái: Ngược lại trên lực đích. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: lịch là xe lăn bánh, xoay chuyển nghiêng nát lên trên. Lượng Lâm Phú cho rằng: tiếng xe chạy xình xịch. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ bánh xe nghiêng nát cán lên; chữ viết từ bộ xa thanh lạc, âm triển ngược lại âm ni triển, âm triển ngược lại âm lật trận, ngược lại âm dưới tô hội.

\*\*\*\*\*

### **KINH XUNG TÁN NHƯ LAI CÔNG ĐỨC THẦN CHÚ**

Tao bễ: Ngược lại tô táo.

Kỳ: Câu chơn ngôn, tiếng Phạn, gọi mạ hợp lại đọc khất sấp, hai âm hợp đọc dưới là kỳ bễ, đồng đây.

Bễ: Ngược lại âm tỳ mẽ.

\*\*\*\*\*

### **KINH THẬP NHỊ PHẬT DANH THẦN CHÚ GIẢO LƯỢNG CÔNG ĐỨC TRỪ CHƯỚNG DIỆT TỘI**

Phân uân: Ngược lại âm trên phần văn, ngược lại âm dưới uất vân. Sách Khảo Thanh cho rằng: mùi thơm ngào ngạt, nghĩa đã giải thích đầy đủ trong kinh kim quang minh tối thắng vương.

\*\*\*\*\*

### **KINH GIẢO LƯỢNG SỞ THÙ CÔNG ĐỨC** (Không có chữ có thể giải thích âm.)

